TÁC ĐỘNG CỦA KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ NHỮNG CHÍNH SÁCH ĐỐI PHÓ CỦA CAMPUCHIA TRONG NĂM 2008 - 2009

VÕ THỊ MINH LỆ*
PHẠM MINH HẠNH**

Khủng hoảng tài chính toàn cầu đã bắt đầu vào giữa năm 2008 và gây ra những tác động nghiêm trọng đến hầu hết các nước trên toàn thế giới. Cuộc khủng hoảng đã làm giảm tỷ lệ tăng trưởng kinh tế và làm cho hàng triệu công nhân rơi vào tình trạng thất nghiệp. Cũng giống như những quốc gia khác, Campuchia cũng chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng trên và chịu thiệt hại lớn trong các ngành nghề chủ yếu như dệt may, du lịch, xây dựng, nông nghiệp và một số lĩnh vực khác bởi sự phụ thuộc quá nhiều của quốc gia này vào đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và thị trường xuất khẩu. Quan trọng hơn là tác động lan tỏa của của khủng hoảng tài chính đến thị trường lao động tại quốc gia này, tình trạng thất nghiệp tràn lan và thiếu việc làm nghiêm trọng. Hậu quả của cuộc khủng hoảng này là số người nghèo đã gia tăng và đẩy họ rơi sâu hơn vào vòng nghèo đói bởi vì họ chính là những người lao động làm việc trong những ngành nghề trên.

Để khắc phục và vượt qua những khó khăn của cuộc khủng hoảng, chính phủ Campuchia đã thực hiện một số chính sách đối phó như áp dụng chính sách tài khóa để kích thích tăng trưởng kinh tế, tăng chi tiêu cho cơ sở hạ tầng, thực hiện ưu đãi thuế cho ngành dệt may như tạm ngưng 1% lợi nhuận trước thuế và tiếp tục miễn thuế cho các nhà máy may mặc nhất định, đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, một ngân sách mở rộng cho năm 2009 đã được lập ra nhằm kích thích và điều chỉnh các kế hoạch và tăng chi tiêu cho cơ sở hạ tầng, nông nghiệp và các chương trình xã hội. Những vấn đề trên sẽ được trình bày khái quát trong bài viết này.

Tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu với kinh tế Campuchia

Trong thực tế, trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, Campuchia đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt là năm 2005, với tỷ lệ tăng trưởng GDP hơn 13.3%. Sau năm 2005, tăng trưởng GDP trung bình lần lượt đạt 10.8% và 10.2% năm 2006 và 2007. Đạt được tốc độ tăng trưởng cao trên là do sự đóng góp mạnh của các ngành công nghiệp chủ chốt như dệt may, xây dựng và nông nghiệp. Tuy nhiên, từ năm 2008 tỷ lệ tăng trưởng đã chậm lại và

* Ths. Võ Thị Minh Lệ, CN. Phạm Minh Hạnh, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

giảm hơn nhiều so với dự kiến trong năm 2009 và 2010. Theo MEF, tỷ lệ tăng trưởng GDP của Campuchia giảm dần xuống 6.8% trong năm 2009 trong khi các tổ chức quốc tế dự đoán tăng trưởng GDP của Campuchia có thể thấp hơn so với tính toán của chính phủ. Quỹ tiền tệ quốc tế dự đoán tăng trưởng có thể là -0.5% trong khi dự đoán của Ngân hàng Thế giới có thể là -1%. Economic Intelligence Unit cho rằng mức tăng trưởng sẽ là -3% (Vannarith 2009)

Sự suy giảm tốc độ tăng trưởng chủ yếu là do những nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, đa số các lĩnh vực chủ yếu phụ thuộc vào đầu tư trực tiếp nước ngoài. Theo dự báo Ngân hàng Thế giới, nguồn vốn chảy vào các nước đang phát triển sẽ giảm đến 50% vào năm 2009. Theo kết quả này, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Campuchia sẽ bị thắt chặt. Tổng số vốn FDI đã được Hội đồng phát triển Campuchia phê duyệt trong năm 2008 đạt 6,275 triệu đôla Mỹ trong đó vốn FDI từ Trung Quốc chiếm 62,4% và Hàn Quốc là 35,1% (Chandararot et al. 2009). Trong năm 2008, 95% tổng mức đầu tư dành cho các dự án xây dựng, trong đó chủ yếu tập trung vào xây dựng các trung tâm du lịch, khách sạn và tòa nhà thương mại; tuy nhiên 40% vốn FDI được thông qua được thực hiện bởi vì sự giảm giá bất động sản, sự giảm đi về cầu và sự cạn kiệt các nguồn tài chính (Chandararot et al. 2009). (Xem bảng)

Nguyên nhân thứ hai của sự suy giảm tốc độ tăng trưởng là do sự suy giảm của cả xuất khẩu và nhập khẩu. Vì Campuchia là quốc gia phụ thuộc vào nền kinh tế bên ngoài đặc biệt là nền kinh tế phát triển như Mỹ, châu Âu và Nhật Bản nên Campuchia dễ dàng bị ảnh hưởng khi các nền kinh tế đó có những biến động về nền kinh tế. Theo Chandararot và các tác giả khác, nền kinh tế Mỹ sẽ giảm 0,9%, Đức giảm 2,2% và Nhật sẽ giảm xuống 0% (2009). Khủng hoảng kinh tế và mất việc hàng loạt ở các nước công nghiệp lớn trên đồng nghĩa với việc sức mua của người tiêu dùng giảm và nhu cầu với hàng hóa nhập khẩu cũng giảm theo. Do vậy, xuất khẩu hàng dệt may trong tổng giá trị xuất khẩu của Campuchia sẽ suy giảm trong năm 2009 so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguyên nhân thứ ba là sự giảm sút về các mặt hàng nông nghiệp của Campuchia do phụ thuộc vào thời tiết và đầu tư cho nông nghiệp. Xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp của Campuchia đã giảm đi do nhu cầu về các mặt hàng này giảm và giá cả trên thị trường quốc tế cũng giảm sút.

Cuối cùng là sự suy giảm của số lượng khách du lịch quốc tế trong năm 2009. Năm 2008, nhóm các thị trường đứng đầu về khách du lịch đến Campuchia phải kể đến Hàn Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Mỹ với các tỷ phần lần lượt là 14%, 10%, 8% và 7%. Theo dự đoán năm 2009, số lượng khách du lịch sẽ giảm đi từ 15,7% trong năm 2008 xuống còn 5,5% năm 2009. Để bổ sung cho các con số trên, đã có một số minh chứng chỉ ra rằng số lượng đặt phòng khách sạn tại các điểm đến được ưa thích đã giảm 30-80% so với năm trước (Chandararot et al. 2009).

Tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu đối với các ngành công nghiệp chủ chốt

** Ngành dệt may*

Nền kinh tế Campuchia phụ thuộc nhiều vào ngành công nghiệp may mặc. Ngành may mặc chiếm khoảng 17% tổng

VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CÁC NƯỚC (2006 - 2008)

Country	Million USD			% of total FDI		
	2006	2007	2008*	2006	2007	2008*
Australia	-	14.12	3.25	0.0%	1.1%	0.1%
Canada	5.28	-	19.29	0.2%	0.0%	0.3%
China	721.17	206.07	3,919.53	30.9%	15.7%	61.7%
Japan	2.10	87.14	7.00	0.1%	6.6%	0.1%
Malaysia	28.33	241.44	2.65	1.2%	18.3%	0.0%
Other	33.32	160.21	68.24	1.4%	12.2%	1.1%
Russia	277.70		9.51	11.9%	0.0%	0.1%
S. Korea	1,009.82	148.08	2,204.53	43.3%	11.2%	34.7%
Saudi Arabia		131.20	-	0.0%	10.0%	0.0%
Singapore	11.53	2.04	52.46	0.5%	0.2%	0.8%
Taiwan	47.65	34.62	18.67	2.0%	2.6%	0.3%
Thailand	100.13	137.11	26.14	4.3%	10.4%	0.4%
United Kingdom	3.54	25.66	6.10	0.2%	1.9%	0.1%
United States	62.21	2.89	2.99	2.7%	0.2%	0.0%
Vietnam	31.11	125.79	16.71	1.3%	9.6%	0.3%
TOTAL FDI	**2,333.90**	**1,316.36**	**6,357.08**	**100.0%**	**100.0%**	**100.0%**

Nguồn: Chandararot et al. 2009

sản phẩm quốc nội (GDP) trong năm 2008 (Jililian et al. 2009). Tuy nhiên ngành công nghiệp này đã bị tổn thương nặng nề do cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay bởi sự phụ thuộc lớn của ngành vào thị trường xuất khẩu. Hơn nữa, cuộc khủng hoảng lại bắt đầu từ những thị trường lớn như Mỹ, Nhật, Châu Âu là những thị trường chính của Campuchia.

Giá trị xuất khẩu hàng dệt may đã giảm mạnh đáng kể trong năm 2009, từ trung bình mỗi tháng đạt 250 triệu đôla Mỹ năm 2008 xuống còn 100 triệu đôla Mỹ trong vòng tháng 1/2009. Điều này lý giải một điều là Campuchia đã phụ thuộc quá nhiều vào thị trường xuất khẩu Mỹ, nơi mà bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng và cũng là nơi chiếm 65% thị phần xuất khẩu hàng dệt may của Campuchia, trong khi EU chiếm có 20% (ODI 2009 và Vannarith 2009).

Trong khi Mỹ, EU và Canada chiếm gần 90% giá trị hàng dệt may xuất khẩu của Campuchia trong năm 2008, thì những nước này lại là những nước đầu tiên chịu tác động của cuộc khủng hoảng (Jililian et al. 2009 and Keane and Ratha 2009).

Ngành dệt may Campuchia có nguồn FDI chính từ các nước Đài Loan, Hồng Kông, Trung Quốc và Hàn Quốc, tuy nhiên các nước này đang chịu tác động lớn từ khủng hoảng tín dụng và suy thoái kinh tế. Chính vì vậy mà tỷ lệ vốn đầu tư vào Campuchia từ các nước này đã bị giảm đi từ năm 2008 (Kang et al. 2009). Ngoài ra còn có sự suy giảm trong tiêu dùng bán lẻ, đặc biệt là tại Mỹ. Kết quả là các đơn đặt hàng giảm đi và hàng loạt nhà máy bị đóng cửa. Rõ nét nhất là khối lượng hàng dệt may xuất khẩu cung ứng

cho thị trường Mỹ giảm từ 5% xuống còn 4% trong năm 2008 và dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong năm 2009 (có thể là xuống còn 3%) (Chandararot 2009).

Do sự giảm của cầu về nhập khẩu hàng hóa và do tác động của cuộc khủng hoảng đến ngành dệt may đã khiến cho 50 nhà máy dệt may đóng cửa và hậu quả là 60.000 công nhân trong tổng số 400.000 công nhân ngành dệt may đã bị mất việc từ năm 2008 (Vannarith 2009). Còn lại những người vẫn tiếp tục làm trong ngành này thì chỉ được ký hợp đồng ngắn hạn dưới ba tháng và luôn gặp rủi ro vì có thể bị sa thải bất cứ lúc nào. Do đó, mức lương trung bình của người lao động trong thời điểm khủng hoảng nảy cũng bị giảm và đẩy họ rơi vào cuộc sống nghèo đói và bần cùng hơn. Năm 2009, con số thất nghiệp sẽ có thêm 19.000 lao động nữa.

** Ngành du lịch*

Suy thoái kinh tế toàn cầu đã khiến cho ngành du lịch đối mặt với nhiều khó khăn. Điều này có thể thấy rõ ở số lượng khách du lịch giảm đi từ năm 2008 đến nay. Lạm phát cao trong năm 2008 và một đồng tiền mạnh tại thời điểm hiện tại đã khiến Campuchia trở thành điểm đến có chi phí cao hơn trước. Trong năm 2008, đã có 2,1 triệu khách du lịch quốc tế đến Campuchia, thấp hơn 2,3 % so với mục tiêu của Chính phủ. Ngành du lịch của nước này đã thu được 1,620 triệu đôla Mỹ từ khách du lịch quốc tế trong năm 2008 với 60% khách du lịch quốc tế đi bằng đường hàng không, 36% bằng đường bộ và đường thủy và 4% là khách đi về trong ngày (Vannarith 2009 và Chandararot et al. 2009).

Hàn Quốc được xem là quốc gia có số lượng khách du lịch đến Campuchia nhiều nhất, chiếm 14%; tiếp đó là Việt Nam (10%), Nhật Bản (8%) và Mỹ (7%). Tuy nhiên đã có sự giảm đi về số lượng khách du lịch đến do khủng hoảng kinh tế toàn cầu và do bởi thu nhập của các khách du lịch cũng bị giảm đi do chịu tác động của khủng hoảng kinh tế và thêm nữa là sự mất an ninh chính trị ở nước láng giềng-Thái Lan, ít nhiều cũng khiến cho lượng khách du lịch giảm theo. Năm 2009, ADB dự đoán thu nhập từ ngành du lịch Campuchia sẽ giảm xuống mức - 2% trong khi IMF dự đoán con số là -6%. Đầu năm số lượng vé đến Campuchia giảm đi một cách đáng kể, ba tháng đầu năm, số lượng vé đến quốc gia này đã giảm xuống - 22,38% so với cùng kì năm ngoái. Một số khách sạn và nhà hàng tại một số địa phương lớn như Siem Reap, Sihanouk Ville và Kohkong đã đóng cửa (Vannarith 2009 và Chandararot et al. 2009).

** Ngành xây dựng*

Trong năm 2007, ngành xây dựng đã đóng góp 6,7% tổng thu nhập quốc nội (GDP). Tuy nhiên cũng như những ngành khác, ngành này đang gặp phải những khó khăn từ khủng hoảng tài chính toàn cầu. Điều này đã khiến cho nhiều dự án xây dựng bị tạm ngừng và những khoản đầu tư mới cho xây dựng bị giảm đi.

Trên thực tế, ngành xây dựng của Campuchia dựa trên sự phát triển của bất động sản. Hầu hết những dự án xây dựng đều là những dự án thương mại và nhà ở cho dân cư. Tuy nhiên trong năm 2008, đã có sự sụt giá trong giá bất động sản do nhu cầu giảm và các nguồn tài chính cạn kiệt. Bên cạnh đó, những dự án xây dựng trong nước đều dựa vào nguồn tài chính của nước ngoài. Vì thế, khi bản thân những quốc gia có các nguồn tài chính đó gặp khó khăn thì họ có thể trì hoãn hoặc hủy bỏ những khoản đầu tư của họ tại các

quốc gia phụ thuộc nguồn vốn đó.

Trên thực tế sự tăng trưởng của ngành xây dựng đã giảm mạnh từ 6,7% trong năm 2007 xuống -0,3% trong năm 2008. Điều này đã khiến sự đóng góp của ngành xây dựng cho tổng thu nhập quốc nội (GDP) giảm từ 6,7% xuống 6,2% so với cùng kỳ.Theo Chandararot và những tác giả khác, tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ xuống còn -5,7% vào cuối năm 2009.

** Ngành nông nghiệp*

Có một số sản phẩm nông nghiệp chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu như ngô, cao su, sắn và hạt tiêu. Những sản phẩm này phụ thuộc rất nhiều vào thị trường xuất khẩu. Thông thường, những sản phẩm đó được bán cho Thái Lan, Việt Nam và Trung Quốc để làm nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm giảm nhu cầu về hàng nông nghiệp của các nền kinh tế, khiến cho giá xuất khẩu giảm và theo đó giá các sản phẩm nông nghiệp bán tại các nông trại cũng giảm. Lấy sắn và cao su là ví dụ chính, tổng lợi nhuận của sắn đã giảm 166%, có nghĩa là mất đi 180 đôla Mỹ/ha. Kết qủa là, đã có một số nông dân bỏ trồng các vụ mùa do không có người mua.(CDRI 2008).

Những chính sách đối phó

Để vượt qua những khó khăn trong thời kỳ khủng hoảng, chính phủ Campuchia đã thực hiện một số chính sách dưới đây:

a. Chính sách tiền tệ:

Chính phủ đã thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt để duy trì tỷ lệ lạm phát thấp và đảm bảo sự ổn định trong tài chính, đẩy mạnh sự giám sát các ngân hàng thương mại. Thêm vào đó, chính phủ cũng thực hiện chính sách tài khóa để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bằng cách tăng chi ngân sách nhằm cân bằng sự sụt giảm trong đầu tư tư nhân, nhằm giảm nhẹ những tác động và đẩy mạnh các hoạt động kinh tế. Chính phủ Hoàng gia Campuchia đã ưu tiên đầu tư công cho các cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội. Điều này đã tăng cường những nỗ lực nhằm huy động nguồn tài trợ bên ngoài nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay (Vannarith 2009). *Chính sách tài khóa* được đưa ra như sau:

- Tăng chi cho cơ sở hạ tầng, nông nghiệp và mạng lưới an sinh xã hội đồng thời cố gắng duy trì lợi nhuận thu được hàng năm.

- Thực hiện các biện pháp tài chính để khuyến khích các nhà sản xuất và người tiêu dùng, do đó có thể phục hồi nền kinh tế hiện nay.

- Thực hiện ưu đãi thuế cho ngành dệt may như tạm ngưng thuế doanh thu hàng tháng 1% đối với các khoản chi của các nhà máy may và mở rộng thời gian miễn thuế lợi nhuận cho những nhà máy may được thành lập trước năm 2006

- Thông báo giảm 10% chi phí quản lý xuất khẩu và các chi phí khác

- Cung ứng 144 triệu đôla Mỹ nhằm thúc đẩy nền kinh tế trong năm 2009 (chi tiêu chưa lập kế hoạch)

Bên cạnh đó, ***chính sách tiền tệ*** được quy định rõ như:

- Trước hết tăng các yêu cầu dự trữ của các ngân hàng thương mại từ 8% lên 16%, sau đó giảm xuống 12% sau khi đã đạt được một số điều kiện về nới lỏng tiền tệ.

- Tăng vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại từ 50 tỷ Riel (13 triệu đôla Mỹ) lên 150 tỷ Riel (36,5 triệu đôla Mỹ) và tăng

vốn điều lệ của những ngân hàng chuyên doanh lên 30 triệu Riel (7,3 triệu đôla Mỹ).

- Can thiệp vào thị trường ngoại hối

- Các biện pháp thận trọng: (1) Tăng cường giám sát và thẩm tra một cách thận trọng (ví dụ như quy định được ban hành của NBC liên quan đến việc sử dụng những kiểm toán viên bên ngoài và việc áp dụng những hình phạt đối với các ngân hàng vi phạm); (2) Nâng cao những yêu cầu về việc cấp giấy phép, cùng với việc NBC đưa ra các tiêu chí chặt chẽ hơn đối với việc lý ngân hàng ngoài việc chỉ có số vốn cao hơn.

b. *Chính sách cụ thể đối với các ngành*

- Ngành dệt may: giải pháp ngắn hạn, Chính phủ đào tạo lại 30.000 công nhân may mặc, 50% số lao động được bố trí, để phát triển công việc mới với phụ cấp hàng tháng là 40 đôla Mỹ một tháng. Chính phủ sẽ có trách nhiệm tìm việc làm cho những công nhân được đào tạo lại sau khi những công nhân này hoàn thành khóa đào tạo. Đây là một thử thách đối với Chính phủ. Với những giải pháp dài hạn và lâu dài, Chính phủ hứa sẽ cải thiện môi trường kinh doanh, giảm bớt những trở ngại trong kinh doanh như chi phí không chính thức cao, khuyến khích các mối quan hệ tốt giữa chủ lao động và người lao động đặc biệt trong ngành may mặc. Bên cạnh đó, kế hoạch được đưa ra để đàm phán với EU về sự nới lỏng những quy định chặt chẽ của EU về xuất xứ hàng hóa (ví dụ như giảm các yêu cầu về đầu vào của địa phương từ 45% đến 25%) và tìm kiếm những ưu đãi của Mỹ hoặc giảm thuế nhập khẩu cho dự án thuộc hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) (Chandararot et al.2009)

- Ngành du lịch: Trong ngắn hạn, Chính phủ khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân giảm giá để thu hút khách du lịch nhiều hơn nữa. Chính phủ hướng mục tiêu tới các thị trường du lịch khác trong khu vực như Việt Nam, Trung Quốc và ấn Độ. Các chính sách giảm giá khách sạn và giảm giá vé vào khu vực Angkor cho những du khách đi trong hai ngày là một phần trong những chính sách nhằm thu hút nhiều hơn nữa số lượng khách du lịch đến. Trong dài hạn, Chính phủ và khu vực kinh tế tư nhân sẽ đầu tư nhiều hơn vào phát triển nguồn nhân lực và cải thiện cơ sở hạ tầng. Hội nhập trong khu vực đặc biệt là đường nối liền giữa các nước trong Tiểu vùng Mê Kông sẽ giúp ích trong việc tăng số lượng khách du lịch trong khu vực. Bên cạnh đó, tăng cường các hoạt động quảng cáo và áp dụng gói ưu đãi toàn diện cho khách du lịch cũng là điều cần thiết

- Ngành nông nghiệp: Trong ngắn hạn, Chính phủ cùng các đối tác phát triển thành lập "Quỹ hỗ trợ và phát triển nông nghiệp" để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng cách cung cấp khoản tín dụng ngắn hạn với lãi suất thấp cho nông dân nhằm tăng năng suất nông nghiệp và đảm bảo an ninh lương thực. Chính phủ tiếp tục áp dụng chính sách miễn thuế đối với nhập khẩu vật tư nông nghiệp (ví dụ như hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu và thiết bị nông nghiệp). Trong dài hạn, Chính phủ cùng với các đối tác phát triển tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp như hệ thống thủy lợi và giao thông.

- Ngành xây dựng: Chính phủ công bố một chương trình tăng chi tiêu về cơ sở hạ tầng. Điều này có thể tạo ra những dự án xây dựng mới và có thể sử dụng lại những lao động đã bị mất việc.

Tóm lại, có thể nhìn thấy rõ ràng những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu tới Campuchia đặc biệt là đối với

ngành tài chính và may mặc, du lịch, xây dựng và ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, rất khó để đánh giá xem tốc độ tăng trưởng của các ngành chính của Campuchia sẽ phục hồi như thế nào trong khi sự phục hồi của ngành may mặc lại phụ thuộc vào sự phục hồi của kinh tế Mỹ. Du lịch phụ thuộc nhiều vào các điều kiện kinh tế ở các quốc gia hàng đầu Hàn Quốc và Nhật Bản. Ngành xây dựng phụ thuộc nhiều vào đầu tư của các công ty nước ngoài như Hàn Quốc. Do vậy, rất khó để duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 10% trong năm nay. Tốc độ tăng trưởng được dự đoán có thể âm trong năm 2009. Với kết quả này, người nghèo và những người có thu nhập thấp (ví dụ như công nhân, nông dân) sẽ bị đẩy sâu hơn vào vòng nghèo đói. Vì thế những chính sách kịp thời sẽ giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cambodia Development Resource Institute (CDRI).2008. *Impact of High Food Prices in Cambodia*. Available from: home.wfp.org/stellent/groups/public/documents/ena/wfp189739.pdf

Chandararot, K and S.Sina and L.Dannet. 2009. Rapid assessment of the impact of the financial crisis in Cambodia. ILO Asia-Pacific Working Paper Series.

Jillian, H and G. Reyes and S. C. Hang and Ph. Dalis and P. Donina. 2009. Global Financial Crisis Discussion Series. Overseas Development Institute. Available from: www.odi.org.uk/resources/download/3307.pdf

Kang, C & S. Sok & C. Kim and D. Liv. 2009. *Rapid Assessment on the Impact of the Financial Crisis in Cambodia*. Prepared for the ILO by CIDS.

Kate, D.T. 2009. *Cambodia Keeps Tax Breaks as Shortage of Cash Prevents Stimulus*. Available from: http://www.bloomberg.com/apps/news?pid=20601068&sid=aTwvBX7VCrDE.

Ministry of Economy and Finance. 2009. Available from: http://www.mef.gov.kh.

Ministry of Tourism Cambodia (MoT). 2007. *Annual Report*. Available from: http://www.mot.gov.kh/

Ministry of Tourism Cambodia (MoT). 2008. *Tourism Statistical Report*. Available from: http://www.mot.gov.kh/

Ministry of Tourism Cambodia (MoT).2009. *Tourism Statistical Report*. Available from: http://www.mot.gov.kh/

Nelmes, J. 2009. *Global Crisis – Impact, Outlook and Policy options for Cambodia*. IMF Resident Representative in Cambodia at the 2009 Cambodia Outlook Conference

National Institute of Statistics (NIS). 2008. *Statistical Yearbook of Cambodia 2008*. Phnom Penh, Cambodia

Overseas Development Institute (ODI). 2009. *The global financial crisis and developing countries*: Taking stock, taking action. Briefing Paper. Available from: kms1.isn.ethz.ch/serviceengine/Files/ISN/106219/...F732.../54.pdf

Rainsy, S.2009. *Stimulus Package Reasonable with Reduced Government Corruption*. Available from: http://kimedia.blogspot.com/2009/02/ stimulus-package-reasonable-with.html.

Vannarith, C. 2009. *Cambodia and Global Economic Crisis*. Presentation at the 8th ASEAN-Japan Dialogue on September 1-12 Tokyo Japan

Xinhua. 2009. *Cambodian Government Suspends 1% Tax on Garment Factory Expenditures*. Available from: www.zibb.com/article/4778898/Cambodian+govt+suspends+1+pct+tax+on+garment+fa ctory+expenditures.